

DANH MỤC TÀI SẢN CHUYỂN GIAO CHO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH QUẢN LÝ, KHAI THÁC
(Kèm theo Quyết định số 298 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Chủng loại tài sản	ĐVT	Năm xây dựng	Diện tích/ Số lượng	Tỷ lệ chất lượng còn lại (%)	Nguyên giá tài sản (đồng)*	Giá trị còn lại đến ngày 31/12/2024 (đồng)	Tình trạng
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	SỞ XÂY DỰNG					38.838.481.149	38.502.931.746	Chỉ sử dụng 01 nhà làm việc (83,19m2) tại trụ sở của Sở Xây dựng cũ, phần còn lại bỏ trống không sử dụng. Tài
I	Đất			2.013,60		32.067.900.000	32.067.900.000	
1	Thửa đất tại địa chỉ: 345 Bà Triệu, phường Quang Trung, thành phố Kon Tum	m²		1.583,60		32.067.900.000	32.067.900.000	
II	Tài sản gắn liền trên đất					6.770.581.149	6.435.031.746	
1	Nhà làm việc 4 tầng, cấp II	m²	2012	968,54	84%	3.680.759.172	3.533.528.805	
2	Nhà làm việc 3 tầng, cấp II (Sửa chữa năm 2012).	m²	1995	913,10	61%	2.518.377.595	2.417.642.491	
3	Nhà làm việc 1 tầng, cấp IV	m²	2000	83,19	55%	166.729.398	144.487.696	
4	Nhà kho	m²	2000	25,60	50%	11.033.600	9.561.718	
5	Nhà xe ô tô	m²	2001	46,08	54%	61.361.971	53.176.284	
6	Nhà để xe máy	m²	2012	64,50	80%	44.479.200	35.583.360	
7	Cổng tường rào	m (chiều dài)		98,10		82.976.642	66.381.314	
7.1	Cổng đường Bà Triệu	m (chiều dài)	2012	5,70	84%			
7.2	Cổng ngã tư đường Bà Triệu - Lê Hồng Phong	m (chiều dài)	1995	4,20	55%			
7.3	Tường rào	m (chiều dài)		88,20				
a	* Tường rào xây gạch	m²	2012	53,73	80%			
b	* Tường rào song sắt	m²	1995	103,50	55%			
8	Sân bê tông	m²	2012	1/2 720	80%	136.512.000	122.860.800	

STT	Chủng loại tài sản	ĐVT	Năm xây dựng	Diện tích/ Số lượng	Tỷ lệ chất lượng còn lại (%)	Nguyên giá tài sản (đồng)*	Giá trị còn lại đến ngày 31/12/2024 (đồng)	Tình trạng
1	2	3	4	5	6	7	8	9
9	Giếng đào	m (chiều sâu)	1995	20	55%	10.912.000	8.729.600	sản khác gắn liền trên đất vẫn còn sử dụng được
10	Cây che bóng (liễu) đường kính trên 40cm đến 80cm: 43 cây.	cây		43		57.439.571	43.079.678	
B	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG KON TUM					14.630.400.064	14.490.740.759	
I	Đất					13.093.500.000	13.093.500.000	
1	Thửa đất tại địa chỉ: 119 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum	m ²		430		13.093.500.000	13.093.500.000	
II	Tài sản gắn liền trên đất					1.536.900.064	1.397.240.759	
1	Nhà làm việc 2 tầng, cấp III (Sửa chữa năm 2018).	m ²	1997	476	58%	1.254.231.440	1.153.892.925	
2	Nhà làm việc 1 tầng, cấp IV (Sửa chữa năm 2018).	m ²	1997	127,02	55%	238.016.427	206.265.036	
3	Nhà để xe	m ²	1997	23,04	54%	31.041.792	24.833.434	
4	Sân bê tông	m ²	1997	23,87	55%	3.111.455	2.800.310	
5	Bể nước ngầm	m ³	1997	15,75	55%	10.498.950	9.449.055	
	Tổng A+B					53.468.881.213	52.993.672.505	

(*) - Đối với tài sản là nhà và công trình gắn liền với đất: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính, nguyên giá của các tài sản là nhà và công trình gắn liền với đất được cập nhập theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm thông báo đấu giá tài sản (Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh)

- Đối với tài sản là đất: Căn cứ quy định tại khoản 61 Điều 1 Nghị định số 114/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ, giá trị của thửa đất được xác định theo đơn giá đất ở quy định tại Quyết định số 75/2024/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 của UBND tỉnh.